

0.a. Goal

Mục tiêu chung 1: Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi

0.b. Target

Mục tiêu 1.1: Đến năm 2020, xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực cho tất cả mọi người ở mọi nơi, sử dụng chuẩn nghèo với mức thu nhập bình quân đầu người thấp hơn 1,25 đô la Mỹ sức mua tương đương (giá 2005)/ngày; đến năm 2030, giảm ít nhất một nửa tỷ lệ nghèo theo tiêu chí nghèo đa chiều của quốc gia (Mục tiêu 1.1 và Mục tiêu 1.2 toàn cầu)

0.c. Indicator

Chỉ tiêu 1.1.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều

0.d. Series

1.2.2 Proportion of households living in multidimensional poverty [1.2.2] (SD_MDP_MUHHHC)

0.e. Metadata update

tháng 6/2021

1.a. Organisation

Tổng cục Thống kê

1.f. Contact mail

54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

1.g. Contact email

banbientap@gso.gov.vn

2.a. Definition and concepts

Tỷ lệ nghèo đa chiều là tỷ lệ phần trăm số hộ hoặc số người nghèo tiếp cận đa chiều trên tổng số hộ hoặc số người được nghiên cứu.

Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 quy định các tiêu chí tiếp cận đo lường nghèo đa chiều gồm:

a) Tiêu chí về thu nhập: 700.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và 900.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị.

b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận 5 dịch vụ xã hội cơ bản, gồm: Y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, được đo bằng 10 chỉ số, gồm: Tiếp cận các dịch vụ y tế; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.

Chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều được xác định như sau:

- Khu vực nông thôn: Năm 2016 có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 700 nghìn đồng trở xuống hoặc có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700 nghìn đồng đến 1 triệu đồng; tương tự năm 2017 có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 725 nghìn đồng trở xuống hoặc có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 725 nghìn đồng đến 1035 nghìn đồng; năm 2018 có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 755 nghìn đồng trở xuống hoặc có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 755 nghìn đồng đến 1080 nghìn đồng và thiếu hụt từ 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên

- Khu vực thành thị: Năm 2016 có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 900 nghìn đồng trở xuống hoặc có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900 nghìn đồng đến 1.3 triệu đồng; tương tự năm 2017 có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 935 nghìn đồng trở xuống hoặc có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 935 nghìn đồng đến 1350 nghìn đồng; năm 2018 có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 975 nghìn đồng trở xuống hoặc có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 975 nghìn đồng đến 1400 nghìn đồng và thiếu hụt từ 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên

2.c. *Classifications*

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019)

3.a. *Data sources*

Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam

3.b. *Data collection method*

Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam thuộc chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016. Đây là cuộc điều tra chọn mẫu, trong đó:

- Mục đích điều tra: Thu thập thông tin làm căn cứ đánh giá mức sống, đánh giá tình trạng nghèo đói và phân hóa giàu nghèo, giám sát và đánh giá một số chương trình mục tiêu quốc gia, cung cấp số liệu để tính quyền số chỉ số giá tiêu dùng và phục vụ tính toán Hệ thống tài khoản quốc gia.

- Đối tượng, đơn vị điều tra

+ Hộ dân cư;

+ Các thành viên trong hộ dân cư;

+ Các xã có hộ dân cư được khảo sát (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng số chẵn).

Hộ là một hoặc một nhóm người ăn chung, ở chung trong một chỗ từ 6 tháng trở lên trong 12 tháng qua và có chung quỹ thu chi.

- Nội dung điều tra

+ Đối với hộ

Thu thập thông tin về: Đặc trưng nhân khẩu học; giáo dục, tình trạng sức khỏe và sử dụng các dịch vụ y tế (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng số chẵn); việc làm; thu nhập; chi tiêu (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng số chẵn); Tài sản; nhà ở; đồ dùng, điện, nước, công trình vệ sinh (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng số chẵn); Tham gia chương trình xóa đói giảm nghèo, tình hình tín dụng (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng số chẵn).

+ Đối với xã (chỉ điều tra vào các năm có tận cùng số chẵn)

Thu thập những thông tin sau: Thông tin chung về dân số và dân tộc cư trú trên địa bàn xã điều tra; kết cấu hạ tầng: điện, đường, trường, trạm, chợ, nguồn nước; tình trạng kinh tế; một số thông tin cơ bản về tình hình kinh tế xã hội.

- Phương pháp thu thập thông tin: Cuộc KSMSDC áp dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp. Điều tra viên có trách nhiệm đến gặp trực tiếp chủ hộ và những thành viên trong hộ có liên quan để phỏng vấn và ghi thông tin vào phiếu phỏng vấn hộ.

3.c. Data collection calendar

Chu kỳ hàng năm (năm có tận cùng số lẻ điều tra 2 kỳ vào tháng 5 và 9; năm có tận cùng số chẵn điều tra 4 kỳ vào tháng 3, 6, 9 và 12).

3.e. Data providers

Tổng cục Thống kê

3.f. Data compilers

Tổng cục Thống kê

4.a. Rationale

Đo lường nghèo đa chiều để dựng nên bức tranh đầy đủ và toàn diện về thực trạng nghèo ở Việt Nam: Bao gồm thu nhập và mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản: Y tế; giáo dục; nhà ở; nước sạch và vệ sinh; thông tin. Làm căn cứ cho hoạch định chính sách, lập kế hoạch phát triển kinh tế nhằm nâng cao mức sống của nhân dân, xóa đói giảm nghèo và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội. Ngoài ra, chỉ tiêu này được sử dụng để so sánh với tỷ lệ nghèo đa chiều của các quốc gia trong khu vực và thế giới.

4.c. Method of computation

Method of computation:

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ nghèo đa chiều (\%)} = \frac{\text{Số hộ hoặc số người nghèo tiếp cận đa chiều}}{\text{Tổng số hộ hoặc số người được nghiên cứu}} \times 100$$

4.j. Quality assurance

Để bảo đảm chất lượng thông tin thu thập, điều tra viên không được gửi phiếu để chủ hộ hoặc các thành viên của hộ tự ghi chép hoặc sao chép các thông tin từ các nguồn dữ liệu có sẵn khác vào phiếu phỏng vấn.

Các biện pháp giám sát chất lượng: Do tính chất phức tạp của cuộc khảo sát nên một số biện pháp kỹ thuật được sử dụng nhằm bảo đảm chất lượng số liệu khảo sát gồm:

- + Gọi điện thoại đến hộ để kiểm tra điều tra viên có đến hộ và phỏng vấn hộ trong bao lâu.
- + Phiếu phỏng vấn được thiết kế với phần lớn mã số đánh sẵn nhằm giảm thời gian đánh mã lại sau khi thu thập số liệu và giảm sai sót.
- + Công việc của 3 điều tra viên được 1 đội trưởng và giám sát viên kiểm tra chặt chẽ.
- + Phức tra 10% số hộ khảo sát sau mỗi kỳ khảo sát.
- + Phiếu phỏng vấn được thiết kế tương đối chi tiết để tránh khai thác sót thông tin. Phiếu phỏng vấn được thiết kế để điều tra viên có chỗ ghi thông tin ngay vào phiếu, không phải mở sổ ghi chép trung gian. Phiếu phỏng vấn hộ, phần ghi thông tin in cách 3 dòng lại có dòng kẻ đúp để giúp điều tra viên tránh ghi nhầm dòng.

5. Data availability and disaggregation

- Số liệu có sẵn hàng năm từ 2016-2019
- Số liệu có cho 3 phân tổ: Giới tính; nhóm tuổi; thành thị/nông thôn

(Nguồn công bố: Niên giám Thống kê của Tổng cục Thống kê)

6. Comparability/deviation from international standards

Chỉ tiêu “Tỷ lệ nghèo đa chiều” của Việt Nam tương ứng với chỉ tiêu “1.2.2. Proportion of men, women and children of all ages living in poverty in all its dimensions according to national definitions” (Tỷ lệ nam giới, phụ nữ và trẻ em ở mọi lứa tuổi sống dưới mức nghèo đa chiều theo định nghĩa từng quốc gia) của quốc tế.

Việt Nam chỉ tính toán và công bố số liệu cho tỷ lệ hộ, không tính toán và công bố theo tỷ lệ dân số nghèo đa chiều.

Mặc dù chỉ tiêu này được xây dựng dựa trên chỉ tiêu SDG toàn cầu 1.2.2. Tuy nhiên, theo khuyến nghị của UN, dữ liệu của chỉ tiêu này không nhằm mục đích so sánh giữa các quốc gia do sự khác biệt về các chiều nghèo và từng ngưỡng nghèo được quy định ở từng quốc gia là khác nhau.

7. References and Documentation

- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;
- Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;
- Niên giám Thống kê của Tổng cục Thống kê;
- Tổng cục Thống kê, “Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội” các năm 2016, 2017, 2018;
- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>